TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SẦM SƠN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 12/2022/QĐST-KDTM	*Sầm Sơn, ngày 10 tháng 10 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 30 tháng 9 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án KDTM thụ lý số: 01/2022/TLST-KDTM ngày 04 tháng 01 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Ngân hàng N (Viết tắt là A);

Địa chỉ: Số 02 L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T – Tổng giám đốc A;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thuần P – Giám đốc A Chinh nhánh tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện tham gia tố tụng: Ông Đỗ Quang L – Trưởng phòng khách hàng doanh nghiệp A – Chi nhánh tỉnh Thanh Hóa.

(Theo Giấy ủy quyền ngày 01/3/2022 và Quyết định về việc ủy quyền số 2379/NHN$_o$.TH-KHDN ngày 08/9/2022).

Người bảo vệ quyền lợi và ích hợp pháp của nguyên đơn: LS Phạm Hùng T – Công ty luật TNHH T.

- Bị đơn: Công ty TNHH Vận tải biển S;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Ngọc S – Giám đốc công ty;

Địa chỉ: Khu phố V, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn D – sinh năm 1954;
2. Bà Nguyễn Thị V – sinh năm 1957;

Cùng địa chỉ: Khu phố T, phường Q, thành phố S, Thanh Hóa.

3. Ông Phạm Thanh Hải – sinh năm 1955;

4. Bà Phạm Thị Toán – sinh năm 1960;

Cùng địa chỉ: Khu phố P, phường Q, thành phố S, Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị T: Ông Phạm Thanh H (Theo giấy ủy quyền ngày 20/9/2022)

5. Bà Nguyễn Thị N - sinh năm 1948;

Địa chỉ: Khu phố T, phường Q, thành phố S, Thanh Hóa.

6. Ông Trần Ngọc A – sinh năm 1955;

7. Bà Cao Thị L – sinh năm 1960;

Cùng địa chỉ: Khu phố K, phường Q, thành phố S, Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Cao Thị L: Ông Trần Ngọc A (Theo giấy ủy quyền ngày 30/8/2022)

Người bảo vệ quyền lợi và ích hợp pháp của ông A: LS Lê Thị Hoài T – Văn phòng luật sư tư vấn pháp luật T.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Tính đến hết ngày 30/9/2022, Công ty TNHH Vận tải biển S còn nợ lại Ngân hàng N theo các hợp đồng tín dụng số 3500/HS/2015/082/HĐTD ngày 10 tháng 08 năm 2015; Hợp đồng tín dụng số 3500/HS/2016/043/HĐTD ngày 06 tháng 05 năm 2016; Hợp đồng tín dụng số 3500/HS/2017/042/HĐTD ngày 05 tháng 04 năm 2017; Hợp đồng tín dụng số 3500-LAV-2019001229 ngày 27 tháng 11 năm 2019 và các phụ lục hợp đồng tín dụng kèm theo với số tiền tổng cộng là: 10.715.608.241đ (Mười tỷ bảy trăm mười lăm triệu đồng sáu trăm linh tám nghìn hai trăm bốn mươi mốt đồng). Trong đó: Nợ gốc là 7.571.306.835đ (Bảy tỷ năm trăm bảy mươi mốt triệu ba trăm linh sáu nghìn tám trăm ba lăm đồng); nợ lãi là: 3.144.301.406đ (Ba tỷ một trăm bốn mươi bốn triệu ba trăm linh một nghìn bốn trăm linh sáu đồng).

Công ty S có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền nợ trên cho Ngân hàng theo kế hoạch phân kỳ trả nợ như sau:

+ Kỳ thứ nhất: Chậm nhất đến ngày 15/10/2022 trả 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) tiền gốc;

+ Kỳ thứ hai: Chậm nhất đến ngày 15/11/2022 trả 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) tiền gốc;

+ Kỳ thứ ba: Chậm nhất đến ngày 15/12/2022 trả 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) tiền gốc;

+ Kỳ thứ tư: Chậm nhất đến ngày 15/01/2023 trả 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) tiền gốc;

+ Kỳ thứ năm: Chậm nhất đến ngày 15/02/2023 trả 300.000.000 đồng (Ba

trăm triệu đồng) tiền gốc;

+ Kỳ thứ sáu: Chậm nhất đến ngày 31/03/2023 trả 3.147.000.000 đồng (Ba tỷ một trăm bốn mươi bảy triệu đồng) tiền gốc;

+ Kỳ thứ bảy: Chậm nhất đến ngày 30/04/2023 trả 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) tiền gốc;

+ Kỳ thứ tám: Chậm nhất đến ngày 31/05/2023 trả 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) tiền gốc;

+ Kỳ thứ chín: Chậm nhất đến ngày 30/06/2023 trả 2.724.306.835 đồng (Hai tỷ bảy trăm hai bốn triệu ba trăm linh sáu ngàn tám trăm ba lăm đồng) tiền gốc + (cộng) 3.144.301.406đ (ba tỷ một trăm bốn mươi bốn triệu ba trăm linh một nghìn bốn trăm linh sáu đồng) tiền lãi và toàn bộ lãi phát sinh - (trừ) số tiền giảm lãi (nếu có).

Kể từ ngày 01/10/2022 Công ty TNHH vận tải biển S còn phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng số 3500/HS/2015/082/HĐTD ngày 10/08/2015; số 3500/HS/2016/043/HĐTD ngày 06/05/2016; số 3500/HS/2017/042/HĐTD ngày 05/04/2017 và số 3500-LAV-2019001229 ngày 27/11/2019, các phụ lục hợp đồng tín dụng, các giấy nhận nợ kèm theo, tương ứng với khoản tiền gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong khoản nợ trừ số tiền giảm lãi được cấp có thẩm quyền của Ngân hàng N chấp thuận.

Đến hạn trả nợ theo thỏa thuận trên, nếu Công ty TNHH vận tải biển S vi phạm bất kỳ nghĩa vụ trả nợ nào thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền xử lý toàn bộ tài sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp và các phụ lục hợp đồng thế chấp kèm theo để đảm bảo việc thu hồi toàn bộ nợ, cụ thể như sau:

- Tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 163, tờ bản đồ số 42, địa chỉ tại Khu phố Phúc Đức, phường Quảng Tiến, thị xã Sầm Sơn (nay là thành phố Sầm Sơn), tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 782368, số vào sổ cấp GCN: CH01476. QĐ: 1989/QĐ-UBND do UBND thị xã Sầm Sơn cấp ngày 18/05/2015 cho ông Phạm Thanh H – bà Phạm Thị T. Theo HĐTC số 3500/HS/048/2016 ngày 06/4/2016 và các phụ lục kèm theo.

- Tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 01c, tờ bản đồ số 16, địa chỉ tại Thôn Minh Cát, xã Quảng Cư, thị xã Sầm Sơn (nay là thành phố Sầm Sơn), tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 367599, số vào sổ cấp GCN: H00875. QĐ: 265/QĐ-UB do UBND thị xã Sầm Sơn cấp ngày 10/04/2006 cho bà Nguyễn Thị N. Trang bổ sung giấy chứng nhận số 02 do Phòng Tài nguyên và môi trường Thị xã Sầm Sơn cấp ngày 05/04/2016. Theo HĐTC số 3500/HS/052/2016 ngày 11/4/2016 và các phụ lục kèm theo.

- Tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 457, tờ bản đồ số 08, địa chỉ tại Khu phố Khang Phú, phường Quảng Tiến, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X981120, số vào sổ cấp GCN: 0170 QSDĐ/UB-SS do UBND thị xã Sầm Sơn cấp ngày 09/09/2003 cho ông Trần Ngọc A – bà Cao Thị . Trang bổ sung giấy chứng nhận số 02 do Phòng Tài nguyên và môi trường Thành phố Sầm Sơn cấp ngày 06/05/2017. Theo HĐTC số 3500/HS/243/2017 ngày 02/12/2017 và các phụ lục kèm theo.

- Tài sản là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 261, tờ bản đồ số 34, địa chỉ tại Khu phố Khang Phú, phường Quảng Tiến, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 782721, số vào sổ cấp GCN: CH01529, QĐ: 3221/QĐ-UBND do UBND thị xã Sầm Sơn cấp ngày 15/09/2015 cho ông Trần Ngọc A – bà Cao Thị L. Theo HĐTC số 3500/HS/244/2017 ngày 02/12/2017 và các phụ lục kèm theo.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện số tiền nợ gốc là: 12.208.000.000đ và yêu cầu xử lý đối với các tài sản bảo đảm là:

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 12, tờ bản đồ số 07, địa chỉ tại thôn Thành Thắng, xã Quảng Cư, thị xã Sầm Sơn (nay là thành phố Sầm Sơn), tỉnh Thanh Hóa theo giấy chứng nhận QSDĐ số AE 958187, số vào sổ cấp giấy: H00917.QĐ:408/QĐ-UB do UBND thị xã Sầm Sơn cấp ngày 01/6/2006 cho ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị V. Theo HĐTC số 3500/HS/139/2015 ngày 10/8/2015 và các phụ lục kèm theo.

- Tàu vận tải hàng hóa đường biển 1.080,96 tấn S 136, được cơ quan đăng ký tàu biển khu vực Hải Phòng cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu biển Việt Nam số VN-2159-VT, số Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển: 1248/ĐK-2007.HP ngày 13/3/2017 cho công ty TNHH Vận tải biển S. Theo HĐTC số 3500/HS/159/2015 ngày 04/9/2015 và các phụ lục kèm theo.

- Tàu vận tải hàng hóa đường biển 932 tấn S 126, được cơ quan đăng ký tàu biển khu vực Hải Phòng cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu biển Việt Nam số VN-1818-VT (01/6/2004), số Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển: 1755/ĐK-2008.HP ngày 03/06/2008 cho công ty TNHH Vận tải biển S. Theo HĐTC số 3500/HS/028/2016 ngày 22/3/2016 và các phụ lục kèm theo.

(Do nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 01/3/2022 và ngày 11/7/2022)

4. Về án phí: Công ty TNHH Vận tải biển S chịu án phí KDTM sơ thẩm là: 59.358.000đ (Năm mươi chín triệu ba trăm năm tám nghìn đồng) (làm tròn số).

Ngân hàng N được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí: 65.065.000đ (Sáu

mươi lăm triệu không trăm sáu lăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2021/0013176 ngày 30/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sầm Sơn.

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

5.1. Đối với nội dung công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại mục 1, mục 2 của quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5.2. Đối với nội dung đình chỉ yêu cầu khởi kiện tại mục 3 của quyết định này đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị nội dung này trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

6. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát TP Sầm Sơn;
- THA TP Sầm Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Ngô Thị Hà